

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO
SÔNG ĐÀ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2013	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2013	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013	15 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty Cổ phần Someco Sông Đà

Công ty Cổ phần Someco Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cơ khí Lắp máy Sông Đà theo Quyết định số 2125/QĐ-BXD ngày 15 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 5400240573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 19 tháng 6 năm 2012.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 16 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và đổi tên Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước – Tổng công ty Sông Đà	35.700.000.000	51
Các cổ đông khác	34.300.000.000	49
Cộng	70.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 3783 2398
Fax : (84-4) 3783 2397
Website : <http://www.someco.com.vn>
E-mail : Info@someco.com.vn
Mã số thuế : 5 4 0 0 2 4 0 5 7 3

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại Miền Bắc	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại miền Trung	Số 61, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 là:

- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp;
- Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng nhà máy điện, hệ thống điện - điện tử và tự động hóa, bao gồm cả công tác đồng bộ thiết bị, lập sơ đồ khởi động và thử đồng bộ thiết bị cho các nhà máy điện, trạm biến áp các dây chuyền công nghệ công nghiệp. Sản xuất công nghiệp và quản lý vận hành trong các lĩnh vực: cơ khí, điện, điện tử, thông tin viễn thông và sản xuất năng lượng điện;
- Thử nghiệm, hiệu chỉnh, vận hành liên động, vận hành thử đồng bộ hệ thống máy móc thiết bị công nghệ;
- Vận hành, sửa chữa trang thiết bị hệ thống điện nhà máy, đường dây và trạm biến áp;

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh, nghiệm thu thiết bị, đường dây của hệ thống thông tin, hệ thống SCADA, hệ thống điện tử phân tán (DCS) và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin (SCADA, EMS, DMS, RTU);
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ các hệ thống điện nhà máy, đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản; Kinh doanh bất động sản;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và thủy điện (giám sát lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ cơ khí công trình);
- Tư vấn, đầu tư, lập và thực hiện các dự án xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công trình dân dụng và công nghiệp; Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm Công ty kinh doanh; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất; Sản xuất, mua bán khí oxy;
- Kiểm tra khuyết tật kim loại;
- Mua bán vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế;
- Vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp đường dây và trạm biến thế đến 500KV);
- Đúc sắt thép, kim loại màu; Bảo dưỡng, sửa chữa xe có động cơ;
- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan bao gồm: dịch vụ thiết kế kết cấu; Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác./.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	Số 5100199853 ngày 04/01/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp	60%
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Số 4900262326 ngày 02/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp	56%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	C40-TT6 khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Số 0104755407 ngày 15/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	100%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Phòng 1004, Tầng 10, CT4, Khu Đô thị mới Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	Số 0104835162 ngày 05/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	100%
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Số 5400351298 ngày 31/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hoà Bình cấp	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Someco Sông Đà ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình vào Công ty Cổ phần Someco Sông Đà bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu. Kết thúc năm tài chính, Công ty Cổ phần Someco Sông Đà và Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình vẫn chưa thực hiện xong việc sáp nhập này.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 45).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Someco Sông Đà khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Kim Mạnh Hà	Chủ tịch	22 tháng 7 năm 2013	
Ông Nguyễn Anh	Chủ tịch	10 tháng 4 năm 2011	22 tháng 7 năm 2013
Ông Nguyễn Anh	Ủy viên	22 tháng 7 năm 2013	
Ông Trần Thanh Sơn	Ủy viên	10 tháng 4 năm 2011	
Ông Phạm Văn Thường	Ủy viên	10 tháng 4 năm 2011	
Ông Phạm Đức Trọng	Ủy viên	30 tháng 6 năm 2013	
Ông Nguyễn Hồng Phong	Ủy viên	10 tháng 4 năm 2011	30 tháng 6 năm 2013

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Đức Quang	Trưởng ban	10 tháng 4 năm 2011
Ông Lê Văn Lâm	Thành viên	10 tháng 4 năm 2011
Bà Phạm Thị Canh	Thành viên	10 tháng 4 năm 2011

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	10 tháng 4 năm 2010
Ông Nguyễn Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 02 năm 2006
Ông Phạm Văn Thường	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 02 năm 2006
Ông Phạm Đức Trọng	Phó Tổng Giám đốc	19 tháng 3 năm 2013

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty Cổ phần Someco Sông Đà đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Someco Sông Đà cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà và các công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn

Ngày 18 tháng 3 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 143/2014/BCTC-KTTV-KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà, được lập ngày 18 tháng 3 năm 2014, từ trang 08 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		545.201.361.596	510.126.512.026
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.220.679.853	12.607.583.333
1. Tiền	111		4.220.679.853	12.607.583.333
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.385.510.455	10.277.200.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10.277.200.000	10.277.200.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(3.891.689.545)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		321.480.573.912	328.726.769.213
1. Phải thu khách hàng	131		276.066.833.125	298.049.783.005
2. Trả trước cho người bán	132		33.633.574.628	21.206.414.587
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	15.468.486.635	13.051.855.502
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(3.688.320.476)	(3.581.283.881)
IV. Hàng tồn kho	140		183.597.204.482	132.554.470.126
1. Hàng tồn kho	141	V.6	183.597.204.482	132.554.470.126
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.517.392.894	25.960.489.354
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.156.708	79.538.665
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.272.917.739	5.465.358.595
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	15.228.318.447	20.415.592.094

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		404.838.112.558	388.559.125.486
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.911.555.361	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		6.911.555.361	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		367.279.999.477	355.990.071.631
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	41.003.908.469	52.482.786.438
<i>Nguyên giá</i>	222		134.311.677.038	138.454.574.926
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(93.307.768.569)	(85.971.788.488)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.639.533.150	1.650.694.950
<i>Nguyên giá</i>	228		2.175.809.000	2.175.809.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(536.275.850)	(525.114.050)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	324.636.557.858	301.856.590.243
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.515.000.000	1.515.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	1.515.000.000	1.515.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		29.131.557.720	31.054.053.855
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	27.620.723.703	28.293.754.014
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.353.022.577	1.527.504.475
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	157.811.440	1.232.795.366
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		950.039.474.154	898.685.637.512

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		793.688.795.992	737.630.754.872
I. Nợ ngắn hạn	310		553.862.379.259	495.467.492.594
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	175.950.395.357	197.359.135.801
2. Phải trả người bán	312		80.038.340.070	88.039.643.757
3. Người mua trả tiền trước	313		93.637.906.789	22.061.143.244
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	63.609.468.501	51.090.922.696
5. Phải trả người lao động	315		13.980.037.497	29.481.602.605
6. Chi phí phải trả	316	V.16	70.349.470.900	51.143.904.807
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	47.029.104.362	48.229.923.527
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.18	6.800.435.883	6.800.435.883
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	2.467.219.900	1.260.780.274
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		239.826.416.733	242.163.262.278
1. Phải trả dài hạn người bán	331		19.003.172.740	19.758.270.000
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.20	474.366.000	199.960.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	205.890.003.152	210.214.230.532
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.22	14.458.874.841	11.990.801.746
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		122.843.356.858	128.072.752.956
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	122.843.356.858	128.072.752.956
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.927.177.227	11.927.177.227
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.392.311.120)	(2.155.808.880)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		34.022.512.207	32.278.071.112
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.163.010.575	3.647.427.677
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.122.967.969	12.375.885.820
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.24	33.507.321.304	32.982.129.684
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		950.039.474.154	898.685.637.512

330042
C
TRÁCH
KIỂM
T
CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		27.283,87	158,01
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Mai Thị Na

Kế toán trưởng



Đàm Trung Kiên

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc




Trần Thanh Sơn

9815
H. NH
ÔNG
NHIỆM
TOÁN V
A &
ẠI HÀ
ĐÀ -

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		208.055.906.359	288.318.973.934
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.044.970.899	66.420.974
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	206.010.935.460	288.252.552.960
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	140.379.973.284	193.621.023.669
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		65.630.962.176	94.631.529.291
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	122.325.545	108.776.804
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	29.150.888.620	42.732.708.164
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.254.274.231	42.930.768.164
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	25.391.139.908	32.762.300.109
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.211.259.193	19.245.297.822
11. Thu nhập khác	31	VI.6	148.526.315	2.023.746.712
12. Chi phí khác	32	VI.7	3.677.079.029	2.942.774.162
13. Lợi nhuận khác	40		(3.528.552.714)	(919.027.450)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.682.706.479	18.326.270.372
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.303.887.193	3.061.283.463
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		174.481.898	444.852.659
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4.204.337.388</u>	<u>14.820.134.250</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.868.297.890	2.720.268.213
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		2.336.039.498	12.099.866.037
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>334</u>	<u>1.729</u>

Người lập biểu



Mai Thị Na

Kế toán trưởng



Đàm Trung Kiên

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.682.706.479	18.326.270.372
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8; 9	11.225.317.506	13.007.193.565
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	3.891.689.545	(2.784.716.119)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			5.809.479.744
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	25.254.274.231	42.930.768.164
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		48.053.987.761	77.288.995.726
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.847.128.778	(38.477.497.238)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(51.042.734.356)	47.103.980.221
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		53.206.488.426	(16.236.261.361)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.137.134.531	(19.153.384.676)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(12.567.569.076)	(22.263.381.751)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		1.543.980.656	(445.953.598)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.922.884.365	2.263.668.393
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(345.694.000)	(2.434.528.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		62.755.607.085	27.645.636.866
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(34.939.494.721)	(7.247.377.287)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	358.460.256
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(365.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5.337.360.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.939.494.721)	(1.916.557.031)

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

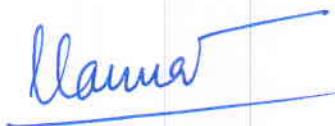
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		249.673.462.540	182.668.752.022
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(275.406.430.364)	(211.040.703.196)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.470.048.020)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(36.203.015.844)	(28.371.951.174)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(8.386.903.480)	(2.642.871.339)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	12.607.583.333	15.250.454.672
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	4.220.679.853	12.607.583.333

Người lập biểu



Mai Thị Na

Kế toán trưởng



Đàm Trung Kiên

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ :** Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh :** Xây lắp, gia công và lắp đặt công trình cơ khí
- Ngành nghề kinh doanh :** Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan; Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí oxy; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác.
- Tổng số các công ty con :** 05
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05
- Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	93,13%	60%
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	69,01%	56%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	C40-TT6 khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Phòng 1004, Tầng 10, CT4, Khu Đô thị mới Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang} \\ \text{đầu kỳ (CT, HMCT)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}} + \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ (CT, HMCT)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \\ \text{(CT,} \\ \text{HMCT)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Nhà cửa, vật kiến trúc

Máy móc và thiết bị

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Thiết bị, dụng cụ quản lý

Số năm

05 - 06

05 - 10

06 - 10

03 - 08

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà theo Quyết định số 294TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng văn phòng.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 3% trên doanh thu các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành và có mức độ rủi ro cao.

Các hợp đồng có rủi ro lớn

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Doanh thu được ghi nhận khi công trình có quyết toán A-B hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài và Phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư. Các công trình đã có dự toán được phê duyệt thì giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Tập đoàn được hưởng. Đối với

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

các công trình chưa có dự toán được phê duyệt thì doanh thu được ghi nhận bằng giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán theo Phiếu giá.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.758.560.072	1.704.365.039
Tiền gửi ngân hàng	2.462.119.781	10.903.218.294
Cộng	4.220.679.853	12.607.583.333

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	585.720	5.857.200.000	585.720	5.857.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	357.000	3.570.000.000	357.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà	85.000	850.000.000	85.000	850.000.000
Cộng		10.277.200.000		10.277.200.000

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.891.689.545)	
Hoàn nhập dự phòng		
	(3.891.689.545)	

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu cán bộ công nhân viên	1.356.603.713	1.829.551.695
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	1.232.000.000	1.232.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	6.143.301.295	6.143.301.295
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Năng lượng Phúc Khánh	3.000.000.000	
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai		2.397.578.082
Chi hộ BHXH Hòa Bình	582.104.897	
Phải thu khác	3.154.476.730	1.449.424.430
Cộng	15.468.486.635	13.051.855.502

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Là dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán:		
- Dưới 1 năm		(1.882.567.563)
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	(1.882.567.563)	(1.664.716.318)
- Trên 3 năm	(1.805.752.913)	(34.000.000)
Cộng	(3.688.320.476)	(3.581.283.881)
Chi tiết phát sinh trong năm như sau:		
Số đầu năm	(3.581.283.881)	
Số trích trong năm	(107.036.595)	(3.581.283.881)
Hoàn nhập trong năm		
Số cuối năm	(3.688.320.476)	(3.581.283.881)

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	8.428.462.774	6.170.059.064
Công cụ, dụng cụ	677.948.447	677.217.498
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	174.490.793.261	125.707.193.564
Cộng	183.597.204.482	132.554.470.126

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	14.849.892.447	17.748.137.244
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	378.426.000	2.667.454.850
Cộng	15.228.318.447	20.415.592.094

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	19.324.949.244	80.839.811.591	34.433.627.559	3.856.186.532	138.454.574.926
Tăng do mua sắm mới		136.000.000			136.000.000
Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(83.112.051)	(2.773.939.879)	(50.274.857)	(1.371.571.101)	(4.278.897.888)
Số cuối năm	19.241.837.193	78.201.871.712	34.383.352.702	2.484.615.431	134.311.677.038
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.188.636.391	23.557.006.544	14.321.483.297	925.297.392	45.992.423.624
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.883.000.825	48.531.399.542	26.800.996.752	1.756.391.369	85.971.788.488
Khấu hao trong năm	1.091.995.550	7.989.775.299	1.410.406.867	721.977.990	11.214.155.706
Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(83.112.051)	(2.620.769.669)	(50.274.857)	(1.124.019.048)	(3.878.175.625)
Số cuối năm	9.891.884.324	53.900.405.172	28.161.128.762	1.354.350.311	93.307.768.569
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	10.441.948.419	32.308.412.049	7.632.630.807	2.099.795.163	52.482.786.438
Số cuối năm	9.349.952.869	24.301.466.540	6.222.223.940	1.130.265.120	41.003.908.469
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	7.200.000	191.422.841	-	198.622.841
Đang chờ thanh lý	926.965.000	6.141.682.156	510.299.322	139.460.281	7.718.406.759

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 40.739.689.387 VND và 13.905.091.932 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Tăng trong năm				
Giảm trong năm				
Số cuối năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		500.000.000	25.114.050	525.114.050
Khấu hao trong năm			11.161.800	11.161.800
Giảm trong năm				
Số cuối năm		500.000.000	36.275.850	536.275.850
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.620.000.000		30.694.950	1.650.694.950
Số cuối năm	1.620.000.000		19.533.150	1.639.533.150

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	74.000.000	84.000.000	136.000.000	22.000.000
XDCB dở dang	301.782.590.243	22.831.967.615		324.586.618.858
Công trình thủy điện Nậm Ly	110.495.195.105	6.489.690.976		116.984.886.081
Công trình thủy điện Bắc Giang	191.246.361.502	16.342.276.639		207.588.638.141
Trụ sở văn phòng Hà Giang	41.033.636			41.033.636
Cộng	301.856.590.243	22.915.967.615	136.000.000	324.636.557.858

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà (nhận ủy thác đầu tư)	115.000	1.150.000.000	115.000	1.150.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm		365.000.000		365.000.000
Cộng		1.515.000.000		1.515.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Tiền thuê đất Xưởng cơ khí Đà Nẵng	8.350.028.275		116.512.023	8.233.516.252
Công cụ dụng cụ	50.556.572	176.753.147	90.769.720	136.539.999
Sửa chữa văn phòng	169.684.853	141.924.833	132.097.380	179.512.306
Tiền thuê văn phòng	19.723.484.314	54.545.454	749.981.428	19.028.048.340
Chi phí khác		43.106.806		43.106.806
Cộng	28.293.754.014	416.330.240	1.089.360.551	27.620.723.703

13. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	143.314.151.798	147.475.767.094
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình	143.314.151.798	129.989.820.040
Ngân hàng TMCP An Bình		3.121.231.267
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội		13.778.235.615
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu - Chi nhánh Hà Nội		586.480.172
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	30.041.020.369	42.203.903.847
Tổng Công ty Sông Đà	29.314.984.571	
Vay Cán bộ Công nhân viên	726.035.798	
Vay dài hạn đến hạn trả	2.595.223.190	7.679.464.860
Cộng	175.950.395.357	197.359.135.801

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Vay ngân hàng	Vay các tổ chức và cá nhân khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	147.475.767.094	42.203.903.847	7.679.464.860	197.359.135.801
Số tiền vay phát sinh trong năm	217.937.179.905	7.670.000.000		225.607.179.905
Số kết chuyển			2.459.223.190	2.459.223.190
Tăng do lãi nhập gốc		161.556.253		161.556.253
Số tiền vay đã trả trong năm	(222.098.795.201)	(19.994.439.731)	7.543.464.860	(249.636.699.792)
Số cuối năm	143.314.151.798	30.041.020.369	2.595.223.190	175.950.395.357

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	37.286.380.347	18.528.210.683	10.031.912.497	45.782.678.533
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.610.635.893	3.303.887.193	1.543.980.656	13.370.542.430
Thuế thu nhập cá nhân	2.193.906.456	698.497.825	1.188.496.953	1.703.907.328
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		2.894.663.710	142.323.500	2.752.340.210
Thuế môn bài		19.000.000	19.000.000	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		225.145.741	225.145.741	
Cộng	51.090.922.696	25.669.405.152	13.150.859.347	63.609.468.501

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	10%
Bán vật tư, thiết bị	5-10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.682.706.479	18.326.270.372
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.996.919.679	(1.945.897.714)
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.890.047.563	2.291.353.833
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	2.387.971.966	2.004.492.455
Lỗ của các Công ty con	5.502.075.597	286.861.378
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.893.127.884)	(4.237.251.547)
Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ	(697.927.592)	(653.451.374)
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ các năm trước năm nay đã thực hiện		(1.125.959.261)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con	(5.195.200.292)	(2.457.840.912)
Tổng thu nhập chịu thuế	9.679.626.158	16.380.372.658
Lỗ các năm trước được chuyển		(170.410.585)
Thu nhập tính thuế	9.679.626.158	16.209.962.073
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	2.419.906.540	4.052.490.518
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm		(1.215.747.155)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	883.980.653	845.939.833
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.303.887.193	3.682.683.196

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền vay	43.569.645.427	30.882.940.272
Chi phí công trình	24.540.912.691	15.600.188.506
Chi phí khác	2.238.912.782	4.660.776.029
Cộng	70.349.470.900	51.143.904.807

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	2.771.119.811	3.266.295.901
BHXH, BHYT, BHTN	19.526.286.983	16.865.783.013
Cổ tức phải trả	6.347.402.440	11.944.697.960
Tổng Công ty Sông Đà	4.190.028.236	3.009.875.233
Quỹ tự nguyện	14.684.499	104.684.499
1% kinh phí công đoàn để lại cơ sở	6.347.402.440	427.338.003
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại Lào	1.450.000.000	300.000.000
Nhận ủy thác đầu tư	1.150.000.000	1.150.000.000
Tiền sử dụng đất		2.684.406.364
Các khoản phải trả khác	5.232.179.953	8.476.842.554
Cộng	47.029.104.362	48.229.923.527

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là chi phí dự phòng bảo hành các công trình Thủy điện như Nậm Chiến, Nậm Khánh, Sừ Pán 2...có thời gian bảo hành là 12 tháng. Mức trích dự phòng từ 1 - 3% doanh thu của hạng mục công trình được nghiệm thu trong năm.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.260.780.274	(290.774.328)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.269.539.626	1.583.554.602
Chi quỹ	(63.100.000)	(32.000.000)
Số cuối năm	2.467.219.900	1.260.780.274

20. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình		6.746.270.740
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn ⁽ⁱ⁾	127.591.970.171	127.591.970.171
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Giang ⁽ⁱⁱ⁾	78.067.407.981	74.244.864.621
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu - Chi nhánh Hà Nội		478.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội	230.625.000	1.153.125.000
Cộng	<u>205.890.003.152</u>	<u>210.214.230.532</u>

(i) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009-HĐTD-Bắc Giang và số 02/2009-HĐTD-Bắc Giang ngày 21 tháng 01 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn để thanh toán một phần chi phí đầu tư thực hiện dự án thủy điện Bắc Giang với hạn mức tối đa là 141.406.000.000 VND và 3.710.000 USD, thời hạn vay là 13 năm 6 tháng, ân hạn 2 năm 9 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 4,2%/năm với khoản vay VND và cộng 3% với khoản vay bằng ngoại tệ, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai là công trình thủy điện Bắc Giang.

(ii) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 12 tháng 02 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Someco Hà Giang với Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Giang để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện dự án nhà máy thủy điện Nậm Ly 1 với hạn mức tối đa là 52.830.000.000 VND và 1.534.000 USD, thời hạn vay là 124 tháng, ân hạn 24 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai là công trình thủy điện Nậm Ly 1.

Thời hạn thanh toán của các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	2.595.223.190
Trên 1 năm đến 5 năm	15.953.168.360
Trên 5 năm	189.936.834.792
Tổng nợ	<u>208.485.226.342</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	210.214.230.532
Số tiền vay phát sinh trong năm	23.682.183.022
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ	222.543.360
Số tiền vay đã trả trong năm	(25.769.730.572)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(2.459.223.190)
Số cuối năm	<u>205.890.003.152</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	12.233.685.886	9.765.612.791
Hợp đồng có rủi ro lớn	2.225.188.955	2.225.188.955
Cộng	14.458.874.841	11.990.801.746

Chi phí bảo hành công trình xây lắp: là dự phòng bảo hành công trình Thủy điện Nậm Chiến, Bắc Hà có thời gian bảo hành trên 12 tháng. Mức trích dự phòng từ 1 -3% doanh thu của hạng mục công trình được nghiệm thu trong năm.

Hợp đồng có rủi ro lớn

Hợp đồng đã ký kết với Ban điều hành dự án Thủy điện Nậm Chiến là hợp đồng điều chỉnh giá theo giá dự toán được phê duyệt. Trước đó, một số hạng mục đã được ghi nhận doanh thu theo Biên bản nghiệm thu khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành và Phiếu giá lập trên cơ sở giá dự toán chưa được phê duyệt. Ngày 27 tháng 9 năm 2010, dự toán công trình đã được phê duyệt và chênh lệch giữa giá trị tạm tính theo Phiếu giá của các hạng mục đã ghi nhận doanh thu với giá trị thanh toán theo dự toán phê duyệt là 2.225.188.955 VND được Công ty mẹ trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	70.000.000.000	11.927.177.227	(3.419.883.513)	28.134.070.881	3.032.736.270	6.251.301.663	115.925.402.528
Lợi nhuận trong năm trước							
Trích lập các quỹ trong năm						12.099.866.037	12.099.866.037
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông thiểu số				4.144.000.231	614.691.407	(5.988.074.452)	(1.229.382.814)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm các khoản mục tiền tệ			1.264.074.633			12.792.572	12.792.572
Số dư cuối năm trước	70.000.000.000	11.927.177.227	(2.155.808.880)	32.278.071.112	3.647.427.677	12.375.885.820	128.072.752.956
Số dư đầu năm nay	70.000.000.000	11.927.177.227	(2.155.808.880)	32.278.071.112	3.647.427.677	12.375.885.820	128.072.752.956
Lợi nhuận trong năm nay						2.336.039.498	2.336.039.498
Trích lập các quỹ trong năm nay				1.744.441.095	515.582.898	(3.291.189.790)	(1.031.165.797)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông thiểu số						2.232.441	2.232.441
Chia cổ tức năm 2011						(6.300.000.000)	(6.300.000.000)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm các khoản mục tiền tệ			(236.502.240)				(236.502.240)
Số dư cuối năm nay	70.000.000.000	11.927.177.227	(2.392.311.120)	34.022.512.207	4.163.010.575	5.122.967.969	122.843.356.858

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.700.000.000	35.700.000.000
Vốn góp của các cổ đông	34.300.000.000	34.300.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
Cộng	81.927.177.227	81.927.177.227

Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức các năm trước	10.470.048.020	
Tạm ứng cổ tức		
Cộng	10.470.048.020	

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.000.000	7.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

24. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	32.982.129.684	22.056.073.338
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	1.868.297.890	2.720.268.213
Cổ đông thiểu số góp thêm vốn trong năm		10.000.000.000
Chia cổ tức cho cổ đông thiểu số	(1.102.500.000)	(1.427.247.500)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(238.373.829)	(354.171.788)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	(2.232.441)	(12.792.579)
Số cuối năm	33.507.321.304	32.982.129.684

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	208.055.906.359	288.318.973.934
- Doanh thu bán hàng hóa	-	308.165.235
- Doanh thu bán thành phẩm	-	693.223.818
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.382.707.423	8.808.061.379
- Doanh thu hoạt động xây lắp	200.840.414.299	277.378.212.615
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	1.832.784.637	1.131.310.887
Các khoản giảm trừ doanh thu:	2.044.970.899	66.420.974
- Giảm giá hàng bán	2.044.970.899	66.420.974
Doanh thu thuần	206.010.935.460	288.252.552.960

Trong đó:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa	-	308.165.235
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	-	693.223.818
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	5.382.707.423	8.808.061.379
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	198.795.443.400	277.311.791.641
- Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh khác	1.832.784.637	1.131.310.887

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	-	303.316.987
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	-	605.154.839
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.399.746.797	6.403.720.344
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	134.683.557.575	185.062.517.213
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	1.296.668.912	1.246.314.286
Cộng	140.379.973.284	193.621.023.669

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	25.254.274.231	42.930.768.164
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		6.167.940.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.924.844	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	3.891.689.545	(6.366.000.000)
Cộng	29.150.888.620	42.732.708.164

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	14.368.410.876	16.261.334.654
Chi phí vật liệu quản lý	908.004.714	1.179.738.258
Chi phí đồ dùng văn phòng	134.782.896	300.329.978
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.002.185.272	728.336.308
Thuế, phí và lệ phí	37.034.900	17.455.155
Chi phí dự phòng	107.036.595	3.581.283.881
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.048.273.453	5.608.865.203
Chi phí bằng tiền khác	3.785.411.202	5.084.956.672
Cộng	25.391.139.908	32.762.300.109

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		358.460.256
Xử lý công nợ	4.184.488	
Chiết khấu thương mại được hưởng	9.414.225	
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm		1.563.617.220
Các khoản khác	134.927.602	101.669.236
Cộng	148.526.315	2.023.746.712

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp BHXH, BHYT	1.556.378.142	853.960.777
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.162.058.528	2.076.289.430
Chi phí khác	958.642.359	12.523.955
Cộng	3.677.079.029	2.942.774.162

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.336.039.498	12.099.866.037
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.336.039.498	12.099.866.037
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	7.000.000	7.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	334	1.729

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.000.000	7.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	7.000.000	7.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.330.035.133	1.854.873.542
Thù lao	183.936.364	322.900.000
Cộng	1.513.971.497	2.177.773.542

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà	Công ty nhận vốn góp

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Sông Đà		
Doanh thu xây lắp thực hiện cho Tổng Công ty	8.321.038.110	64.509.357.275
Vay vốn lưu động của Tổng Công ty	6.500.000.000	25.629.687.500
Trả gốc tiền vay Tổng Công ty		12.814.702.929
Lãi tiền vay vốn lưu động phải trả Tổng Công ty	3.572.444.101	3.183.136.300
Ứng trước về công trình xây lắp	19.695.992.774	

Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà

Doanh thu xây lắp Someco cung cấp	6.782.179.476	
Thanh toán tiền xây lắp	2.669.000.000	2.000.000.000
Ứng trước tiền thi công	50.000.000	
Mua vật tư	453.627.778	

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên

Doanh thu xây lắp Someco cung cấp		18.454.355.487
Thanh toán tiền xây lắp	100.000.000	2.426.769.706
Trả tiền vay	400.000.000	

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thủy điện Tây Bắc

Bù trừ công nợ		1.000.000.000
Thanh toán tiền xây lắp	9.182.873.614	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Sông Đà		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	7.528.855.724	45.143.273.770
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	69.967.349.473	53.870.789.691

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	33.142.254.770	38.960.322.591
Phải thu tiền lãi chậm trả khối lượng thi công	6.143.301.295	6.143.301.295
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà		
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	15.442.103.796	14.582.106.469
Cộng nợ phải thu	132.223.865.058	155.414.431.205
Tổng Công ty Sông Đà		
Phải trả Tập đoàn tiền vay ngắn hạn	29.314.984.571	22.814.984.571
Cổ tức phải trả	3.213.000.000	5.355.000.000
Lãi vay phải trả	4.190.028.236	3.009.875.233
Tiền thuê văn phòng tại tòa nhà HH4	20.557.597.643	19.758.270.000
Tiền ứng trước công trình xây lắp	19.695.992.774	
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên		
Phải trả tiền vay	280.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà		
Phải trả tiền mua vật tư	367.617.830	
Cộng nợ phải trả	77.619.221.054	56.763.988.205

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường hoặc giá vốn. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty mẹ và các công ty con cung cấp.

Các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực đầu tư xây dựng thủy điện
- Lĩnh vực khác: Nhượng bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành gia công cơ khí, thí nghiệm, tư vấn thiết kế.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Đầu tư		Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
	Xây lắp	Thủy điện			
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	198.795.443.400		7.215.492.060		206.010.935.460
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần	198.795.443.400	7.215.492.060			206.010.935.460
Kết quả kinh doanh theo bộ phận					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	64.111.885.825		1.519.076.351		65.630.962.176
Doanh thu hoạt động tài chính					(25.391.139.908)
Chi phí tài chính					40.239.822.268
Thu nhập khác					122.325.545
Chi phí khác					(29.150.888.620)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					148.526.315
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(3.677.079.029)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(3.303.887.193)
					(174.481.898)
					4.204.337.388
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	552.330.240	22.915.967.615			23.468.297.855
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	12.003.892.147	310.785.911			12.314.678.058
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	3.998.726.140				3.998.726.140

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm trước	Xây lắp	Đầu tư Thủy điện	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	277.311.791.641		10.940.761.319		288.252.552.960
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần	277.311.791.641		10.940.761.319		288.252.552.960
Kết quả kinh doanh theo bộ phận					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	59.486.974.319		2.382.254.863		61.869.229.182
Doanh thu hoạt động tài chính					
Chi phí tài chính					61.634.402.395
Thu nhập khác					108.776.804
Chi phí khác					(42.732.708.164)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					2.023.746.712
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(2.942.774.162)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(3.061.283.463)
					(444.852.659)
					14.820.134.250
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.482.551.649	42.104.156.278			44.586.707.927
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13.112.153.041	1.135.645.514			14.012.971.768
Tổng giá trị các Khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	3.581.283.881				3.581.283.881

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	<i>Xây lắp</i>	<i>Đầu tư Thủy điện</i>	<i>Hoạt động khác</i>	<i>Các khoản loại trừ</i>	<i>Cộng</i>
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	554.384.534.816	365.668.114.297	18.194.625.040		938.247.274.153
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					11.792.200.000
Tổng tài sản	554.384.534.816	365.668.114.297	18.194.625.040		950.039.474.153
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	508.695.368.428	266.926.960.105	17.283.405.034		792.905.733.567
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					792.905.733.567
Tổng nợ phải trả	508.695.368.428	266.926.960.105	17.283.405.034		792.905.733.567
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	533.563.411.626	340.321.218.861	13.008.807.025		886.893.437.512
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					11.792.200.000
Tổng tài sản	533.563.411.626	340.321.218.861	13.008.807.025		898.685.637.512
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	481.629.713.429	245.425.389.735	10.575.651.708		737.630.754.872
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					737.630.754.872
Tổng nợ phải trả	481.629.713.429	245.425.389.735	10.575.651.708		737.630.754.872

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách tìm hiểu khả năng tài chính của khách hàng trước khi giao dịch, và thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.220.679.853			4.220.679.853
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	365.000.000			365.000.000
Phải thu khách hàng	282.978.388.485			282.978.388.485
Các khoản phải thu khác	7.922.714.170		6.143.301.295	14.066.015.465
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.570.000.000		5.857.200.000	11.427.200.000
Cộng	301.056.782.508		12.000.501.295	313.057.283.803
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.607.583.333			12.607.583.333
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	365.000.000			365.000.000
Phải thu khách hàng	298.049.783.005			298.049.783.005
Các khoản phải thu khác	5.132.250.216		6.143.301.295	11.275.551.511
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.427.200.000			11.427.200.000
Cộng	327.581.816.554		6.143.301.295	333.725.117.849

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền phù hợp với yêu cầu thanh toán, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Vay và nợ	175.950.395.357	205.890.003.152	381.840.398.509
Phải trả người bán	80.038.340.070	19.003.172.740	99.041.512.810
Các khoản phải trả khác	86.119.081.529	474.366.000	86.593.447.529
Cộng	342.107.816.956	225.367.541.892	567.475.358.848
Số đầu năm			
Vay và nợ	197.359.135.801	210.214.230.532	407.573.366.333
Phải trả người bán	88.039.643.757	19.758.270.000	107.797.913.757
Các khoản phải trả khác	65.885.308.958	199.960.000	66.085.268.958
Cộng	351.284.088.516	230.172.460.532	581.456.549.048

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Nợ phải trả tài chính đang lớn hơn tài sản tài chính, tuy nhiên, Công ty mẹ và các công ty con đang và sẽ gia hạn thời gian trả nợ của các khoản vay để phù hợp với khả năng thanh toán. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty mẹ và các công ty con có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn chỉ gồm rủi ro lãi suất. Các khoản vay bằng ngoại tệ chỉ phát sinh ở các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư nên không ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 2.616.614.768 VND (năm trước giảm/tăng 3.080.047.973 VND). Mức thay đổi của lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường ở thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2013.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.220.679.853		12.607.583.333	
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	365.000.000		365.000.000	
Phải thu khách hàng	282.978.388.485		282.978.388.485	
Các khoản phải thu khác	14.066.015.465	(3.688.320.476)	14.856.835.392	(3.581.283.881)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.427.200.000	(3.891.689.545)	11.427.200.000	
Cộng	313.057.283.803		337.306.401.730	(3.581.283.881)
			305.477.273.782	333.725.117.849

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	381.840.398.509	407.573.366.333	381.840.398.509	407.573.366.333
Phải trả người bán	99.041.512.810	107.797.913.757	99.041.512.810	107.797.913.757
Các khoản phải trả khác	86.593.447.529	66.085.268.958	86.593.447.529	66.085.268.958
Cộng	567.475.358.848	581.456.549.048	567.475.358.848	581.456.549.048

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

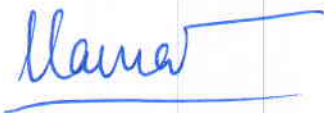
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được).

Công ty mẹ chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Người lập biểu



Mai Thị Na

Kế toán trưởng



Đàm Trung Kiên

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn